

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ
tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 50.000 triệu đồng và được bổ sung từng thời kỳ theo kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2011 là 4.050.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 3.000.000 triệu đồng).

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bảng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2002
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2007
Bà Đỗ Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2011

Ban Kiểm soát

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Các thành viên Ban Kiểm soát tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Trụ sở

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2011, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười chín (19) chi nhánh, và năm mươi hai (52) phòng giao dịch và sáu (06) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Quyết định Thành lập số</i>	<i>Lĩnh vực Hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ % sở hữu của NH</i>
Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép thành lập và hoạt động số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 08 năm 2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán	98.66%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 30 tháng 09 năm 2011 là 1.773 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.370 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Giám đốc Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

2.2 Cơ sở lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VNĐ"), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

2.5 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

2.6 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng và công ty con mua hân và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

2.7 Chứng khoán đầu tư

2.7.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và công ty con mua hân với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hân trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

2.7.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng và công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

2.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.9 Đầu tư góp vốn dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ đối với các khoản đầu tư chứng khoán và khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu vào các đơn vị khác, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ
tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

2.12 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy tính	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

2.13 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

2.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.16 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

2.17 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2.18 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán.

3. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền mặt bằng VNĐ	209.621	207.455
Tiền mặt bằng ngoại tệ	81.603	84.071
Vàng tiền tệ	57.374	43.474
	348.598	335.000

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền gửi tại NHNN	34.087	546.085

5. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	6.972.993	10.963.181
Cho vay các TCTD khác	20.000	30.000
Dự phòng rủi ro cho vay TCTD khác	(150)	
	6.992.843	10.993.181

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ
tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.1 Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác

	31/12/2010 triệu đồng (Đã kiểm toán)	30/09/2011 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn		
- Bằng VNĐ	511.025	21.509
- Bằng ngoại tệ, vàng	292.628	196.048
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn		
- Bằng VNĐ	4.791.274	10.364.398
- Bằng ngoại tệ, vàng	1.378.066	381.226
	6.972.993	10.963.181

5.2 Cho vay các TCTD khác

	31/12/2010 triệu đồng (Đã kiểm toán)	30/09/2011 triệu đồng
Bằng VNĐ	20.000	30.000
Bằng vàng, ngoại tệ	-	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(150)	-
	19.850	30.000

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 30 tháng 09 bao gồm:

	31/12/2010 triệu đồng (Đã kiểm toán)	30/09/2011 triệu đồng
Chứng khoán Nợ		
Chứng khoán Chính phủ	208.225	253.939
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán nợ nước ngoài	-	-
Chứng khoán Vốn	18.660	9.487
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	1.376	1.431
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	17.284	8.056
Chứng khoán vốn nước ngoài	-	-
Chứng khoán kinh doanh khác	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(5.471)	(3.745)
	221.414	259.681

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ
tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2010 triệu đồng (Đã kiểm toán)	30/09/2011 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	18.196.756	18.517.796
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	420.936	206.267
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	66.866	81.091
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	-	-
	18.684.558	18.805.154

7.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2010 triệu đồng (Đã kiểm toán)	30/09/2011 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.466.198	13.787.788
Nợ cần chú ý	3.771.088	4.484.974
Nợ dưới tiêu chuẩn	140.410	86.638
Nợ nghi ngờ	118.630	94.481
Nợ có khả năng mất vốn	188.232	351.273
	18.684.558	18.805.154

7.2. Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2010 triệu đồng (Đã kiểm toán)	30/09/2011 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	12.135.698	11.132.229
Nợ trung hạn	2.430.092	2.532.090
Nợ dài hạn	4.118.768	5.140.835
	18.684.558	18.805.154

7.3. Phân tích dư nợ theo loại tiền tệ

	31/12/2010 triệu đồng (Đã kiểm toán)	30/09/2011 triệu đồng
Cho vay thương mại bằng VNĐ	15.885.825	15.160.230
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	2.798.733	3.644.924
	18.684.558	18.805.154

8. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong giai đoạn từ ngày 01 tháng năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011 bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu kỳ	252.386	132.042	384.428
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	242.479	32.451	274.930

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Số hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(132.834)	(12.815)	(145.649)
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong kỳ	(1.327)	-	(1.327)
Các khoản mục khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	360.704	151.678	512.382

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm trước bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	156.136	82.000	238.136
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	338.245	89.144	427.389
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(126.267)	(39.102)	(165.369)
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(115.431)	-	(115.431)
Các khoản mục khác	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	252.683	132.042	384.725
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	(297)	-	(297)
Số dư cuối kỳ	252.386	132.042	384.428

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>31/12/2010 triệu đồng (Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011 triệu đồng</i>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	3.447.370	6.259.104
- Chứng khoán Nợ		
- Chứng khoán vốn		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(23.929)	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.004.518	3.126.405
- Giá trị chứng khoán		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		
	7.427.959	9.385.509

10. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>31/12/2010 triệu đồng (Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011 triệu đồng</i>
Đầu tư vào công ty con (*)	150.000	150.000
Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh		
Các khoản đầu tư vào công ty liên kết		
Các khoản đầu tư dài hạn khác	266.959	299.058
Dự phòng giảm giá	(27.675)	(51.604)
	389.284	397.454

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ
tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

11. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Vay NHNN		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	1.412.714	779.431
Vay thấu chi	598.834	
	2.011.548	779.431

12. TIỀN VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi các TCTD khác	10.313.744	16.594.859
Vay các TCTD khác	136.465	104.160
	10.450.209	16.699.019

12.1 Tiền, vàng gửi các TCTD khác

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
<i>a. Tiền, vàng gửi không kỳ hạn</i>		
Bằng VNĐ	635.835	3.471
Bằng vàng và ngoại tệ	635.835	3.471
	-	-
<i>b. Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</i>		
Bằng VNĐ	9.677.909	16.591.388
Bằng VNĐ	8.775.291	15.231.058
Bằng vàng và ngoại tệ	902.618	1.360.330
	10.313.744	16.594.859

12.2 Vay các TCTD khác

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Bằng VNĐ	-	-
Bằng vàng và ngoại tệ	136.465	104.160
	136.465	104.160

13. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	1.810.170	1.690.635
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1.671.477	1.585.880

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	138.693	104.755
<i>Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</i>	<i>14.693.896</i>	<i>19.772.872</i>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	10.959.156	16.802.797
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	3.737.740	2.970.075
<i>Tiền gửi vốn chuyên dùng</i>	<i>529</i>	<i>-</i>
<i>Tiền ký quỹ</i>	<i>132.388</i>	<i>151.025</i>
	16.636.983	21.614.532

14. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ	868.092	852.172
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	3.482	3.502
	871.574	855.674

15. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ THÔNG THƯỜNG

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	302.783	65.870
Trái phiếu thông thường		
24 tháng	2.400.000	2.230.000
Trái phiếu chuyển đổi		
12 tháng	1.050.000	-
	3.752.783	2.295.870

16. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i> <i>(Đã kiểm toán)</i>	<i>30/09/2011</i> <i>triệu đồng</i>
Các khoản phải trả bên ngoài	822.097	103.450
Các khoản phải trả nội bộ		
Dự phòng rủi ro khác		
- Dự phòng đối với các cam kết đưa ra		
- Dự phòng cho các dịch vụ thanh toán		
- Dự phòng rủi ro khác (dự phòng rủi ro hoạt động... không bao gồm dự phòng khác đối với tài sản nội bảng)		
	822.097	103.450

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ
tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

17. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	<i>Vốn điều lệ triệu đồng</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần triệu đồng</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản triệu đồng</i>	<i>Quỹ khen thưởng và phúc lợi(*) triệu đồng</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ lũy kế triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	3.000.000	1.455	-	-	111.953	13.799	266.520	3.393.727
Tăng trong kỳ	1.050.000	-	-	13.894	34.419	18.115	356.650	1.473.078
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	356.650	356.650
Trích bổ sung các quỹ cho kỳ trước	-	-	-	13.894	34.419	18.115	-	66.428
Tạm trích lập các quỹ dự trữ cho kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản tăng khác	1.050.000	-	-	-	-	-	-	1.050.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(181.080)	(181.080)
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	(180.000)	(180.000)
Giảm do nộp thuế TNCN	-	-	-	-	-	-	(1.080)	(1.080)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.050.000	1.455	-	13.894	146.372	31.914	442.090	4.685.725

18. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2011 triệu đồng</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2010 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	477.848	256.860
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	3.201.571	1.335.863
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ:	643.936	464.481
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	-	-
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	-	-
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	-	-
Thu khác từ hoạt động tín dụng	5.119	4.233
	4.328.474	2.061.437

19. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2011 triệu đồng</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2010 triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	3.367.707	1.246.264
Trả lãi tiền vay	207.836	197.045
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	201.929	144.478
Trả lãi tiền thuê tài chính	-	-
Chi phí hoạt động tín dụng khác	586	530
	3.778.058	1.588.317

21. LÃI/LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2011 triệu đồng</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2010 triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	385.357	201.769
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	385.357	201.769

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ
tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

22. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2011 triệu đồng</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2010 triệu đồng</i>
Cổ tức năm hiện hành chuyển về từ công ty con	102.621	119.727
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần:	1.869	4.352
- từ chứng khoán Vốn kinh doanh (hạch toán trên TK 14)	-	630
- từ chứng khoán Vốn đầu tư (hạch toán trên TK 15)	-	-
- từ góp vốn, đầu tư dài hạn (hạch toán trên TK 34)	1.869	3.722
Các khoản thu nhập khác	-	-
	104.490	124.079

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2011 triệu đồng</i>	<i>Giai đoạn từ 01/01 đến 30/09/2010 triệu đồng</i>
Chi phí cho nhân viên	127.705	109.806
- Chi lương và phụ cấp	119.273	105.440
- Các khoản chi đóng góp theo lương	7.432	4.096
- Chi trợ cấp	316	209
- Chi công tác xã hội	684	61
Chi phí hoạt động khác	278.475	142.849
Chi phí thuế và các khoản phí, lệ phí	17.441	10.755
Chi về tài sản	24.101	15.123
Chi phí khấu hao	28.773	24.951
Chi thuê tài sản	54.541	33.004
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
- Công tác phí	8.868	5.679
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	391	51
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	11.051	8.677
Chi phí hoạt động khác	133.309	44.609
	406.180	252.655

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ
tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

24. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM BÁO CÁO

	<u>30/09/2011</u> <u>triệu đồng</u>	<u>31/12/2010</u> <u>triệu đồng</u>
USD	20.832	19.495
EUR	28.484	27.641
GBP	32.767	32.077
CHF	23.363	23.229
JPY	273,75	255
SGD	16.184	17.540
CAD	20.231	20.775
AUD	20.551	21.107

LẬP BIỂU



Phạm Thị Đông Thành

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Cẩm Tú

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Mai

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 21 tháng 10 năm 2011